

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG TỪ LÁY TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NHÀ VĂN MA VĂN KHÁNG

Bùi Kim Thoan^{1,2}

Tóm tắt: Bài báo tập trung phân tích các đặc điểm của từ láy trong truyện ngắn của nhà văn Ma Văn Kháng. Đó là các đặc điểm về cấu tạo, khả năng kết hợp, từ đó chỉ ra được ý nghĩa của các từ láy trong việc biểu đạt nội dung của truyện ngắn Ma Văn Kháng. Qua khảo sát 40 truyện ngắn của Ma Văn Kháng, có thể thấy từ láy trong truyện ngắn Ma Văn Kháng được sử dụng rất phong phú, đa dạng và linh hoạt. Bên cạnh các từ láy quen thuộc, nhà văn còn sáng tạo ra nhiều từ láy mới, thể hiện tài năng ngôn ngữ độc đáo của ông. Chính các từ láy đã góp phần làm cho thế giới hình tượng trong truyện ngắn Ma Văn Kháng thêm độc đáo và sinh động. Bài viết sử dụng các phương pháp và thủ pháp như phương pháp phân tích, phương pháp liên ngành, thủ pháp so sánh, thủ pháp thống kê phân loại.

Từ khoá: truyện ngắn, Ma Văn Kháng, từ láy, giá trị biểu đạt

1. MỞ ĐẦU

Ma Văn Kháng là một trong số nhà văn hàng đầu, một trong những cây bút có công mở đường cho sự nghiệp đổi mới văn học Việt Nam hiện đại. Ông thành công ở cả hai mảng đề tài là truyện ngắn và tiểu thuyết với nhiều khía cạnh đóng góp mới từ cách chọn đề tài, cách dựng truyện. Điều đặc biệt là Ma Văn Kháng luôn luôn có ý thức đổi mới tư duy nghệ thuật, tự làm mới ngôn ngữ. Ngôn ngữ trong truyện ngắn của ông vừa gần gũi, giản dị như cuộc sống hàng ngày vừa giàu tính biểu cảm, chất thơ bay bổng. Một trong những yếu tố làm nên sức hấp dẫn, thu hút của truyện ngắn Ma Văn Kháng là ở sự tài tình, tinh tế của nhà văn trong việc sử dụng lớp từ láy. Lớp từ này đã góp phần tạo nên giá trị biểu đạt tinh tế, giàu sắc thái biểu cảm cho thế giới hình tượng trong truyện.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để làm sáng tỏ đặc điểm của từ láy trong truyện ngắn của Ma Văn Kháng, bài viết sử dụng các phương pháp và thủ pháp sau:

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp:* phương pháp này sử dụng nhằm phân tích các đặc điểm của từ láy trong truyện ngắn của Ma Văn Kháng. Sau đó tổng hợp khái quát để chỉ ra những đặc điểm riêng biệt, sáng tạo trong việc sử dụng từ láy của Ma Văn Kháng.

¹ Học viên Cao học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

² Trường Sĩ quan Pháo Binh, Email: buikimthoan@gmail.com

- *Phương pháp nghiên cứu liên ngành*: Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành ngôn ngữ - văn học, nhằm làm sáng tỏ vai trò của từ láy trong truyện ngắn của Ma Văn Kháng.

- *Thủ pháp so sánh*: Bài viết so sánh việc sử dụng từ láy trong truyện ngắn của Ma Văn Kháng và các tác giả khác để thấy được sự độc đáo và những đóng góp mới của Ma Văn Kháng trên phương diện ngôn ngữ.

- *Thủ pháp thống kê, phân loại*: thống kê các đặc điểm từ láy, các kiểu từ láy trong truyện ngắn Ma Văn Kháng, sau đó phân loại kết quả thống kê thành các tiểu nhóm.

2.2. Đặc điểm sử dụng từ láy trong truyện ngắn của nhà văn Ma Văn Kháng

2.2.1. Kết quả khảo sát

Trong truyện ngắn Ma Văn Kháng, chúng tôi nhận thấy từ láy được nhà văn sử dụng như một phương tiện quan trọng, có vị trí đặc biệt làm cho thế giới hình tượng trong truyện ngắn Ma Văn Kháng thêm phong phú và sinh động. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 40 truyện ngắn (với 728 trang truyện) in trong *Ma Văn Kháng, 100 Truyện ngắn* (Tập 1, 2, 3) do Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành năm 2017. Kết quả thu được như sau:

STT	Từ láy	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Láy đôi	5039	99,35
2	Láy ba	2	0,04
3	Láy tư	31	0,61
	Tổng	5072	100%

Kết quả thống kê cho thấy: Có tổng số 5072 từ láy xuất hiện, tính trung bình mỗi trang có 6,9 từ láy (xấp xỉ 7 từ/trang). Đây là một con số rất cao. So sánh truyện ngắn Ma Văn Kháng với truyện ngắn của Nguyễn Thi, chúng tôi nhận thấy: trong truyện ngắn của Nguyễn Thi, có 1860 lượt lần từ láy xuất hiện trong 18 truyện ngắn, trung bình mỗi trang có 4 từ láy (Theo khảo sát của Nguyễn Thị Nga trong khoá luận “*Đặc điểm ngôn ngữ truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tấn - Nguyễn Thi*” [10, tr.61]). Bên cạnh việc sử dụng từ láy với một tần số dày đặc, Ma Văn Kháng còn có nhiều sáng tạo độc đáo trong việc sử dụng lớp từ này.

2.2.2. Đặc điểm sử dụng từ láy trong truyện ngắn của Ma Văn Kháng

2.2.2.1 Từ láy trong truyện ngắn Ma Văn Kháng xét về cấu tạo

Xét về cấu tạo, có ba kiểu từ láy xuất hiện trong truyện ngắn Ma Văn Kháng, đó là láy đôi, láy ba, láy tư. Số lượng từ láy ba, láy tư trong truyện ngắn Ma Văn Kháng rất ít,

có 2 từ lấy 3 ba là: *tạch tach tach, cọt cọt cọt* xuất hiện trong truyện ngắn *Chim di trú vừa đi vừa ngủ* [7, tr.514] dùng để mô phỏng âm thanh chiếc máy đánh chữ. Có 29 từ lấy tư xuất hiện rải rác trong các truyện ngắn (chiếm 0,61%), trong đó nhiều nhất là truyện ngắn *Bức tranh người đàn bà chơi vĩ cầm* với ba từ lấy tư: *vất va vất vương, tấm ngấm tấm ngấm, lúc la lúc lủ*.

Ví dụ (1): *Hôm nào giờ thể dục phải môn tập chạy cứ lúc la lúc lủ đến khổ* [9, tr.379].

Ví dụ (2): *Cương từ trại cai nghiện về, sống vất va vất vương như người bên âm, rất hay bỏ nhà đi qua đêm, một lần biệt tích ba ngày liền* [9, tr.376].

Những từ lấy loại này được Ma Văn Kháng dùng để miêu tả trạng thái của các đối tượng, vừa làm tăng sức gợi của hình tượng vừa gây được ấn tượng về cảm xúc, tâm trạng của nhân vật.

Chiếm đa số trong truyện ngắn Ma Văn Kháng là từ lấy đôi, với đầy đủ các kiểu cấu tạo: lấy hoàn toàn, lấy bộ phận.

Lấy hoàn toàn

Qua khảo sát 5072 từ lấy xuất hiện trong truyện ngắn Ma Văn Kháng, chúng tôi thu được 1048 từ lấy hoàn toàn, chiếm 20,7% tổng số từ lấy. Những từ lấy như thế xuất hiện dày đặc và không khó khăn để nhặt ra chúng trong những trang truyện của Ma Văn Kháng. Ví dụ: *đâu đâu, ngơ ngơ, chằng chằng, gật gật, ào ào, heo heo, bè bè, oành oành, oà oà, ...*

Ví dụ (3): *Chỉ đến khi Thụy dắt cái xe xuống dốc đê, vào làng chiều thu mới vương vương một hơi sương mờ* [7, tr.103].

Câu văn chỉ chứa một từ lấy *wương vương* mà dường như đã trở nên đầy chất thơ. Khung cảnh của một buổi chiều muộn mùa thu được khắc hoạ nên thơ và chất đầy tâm trạng. Đó không chỉ là sự *wương vương* của chiều thu mà còn là cảm nhận *wương vương* của lòng Thụy đang giăng mắc trong buổi chiều thu ấy.

Từ lấy hoàn toàn trong truyện ngắn Ma Văn Kháng xuất hiện với hai biến thể:

+ Lấy hoàn toàn biến đổi phụ âm cuối: Có 436 từ lấy loại này, chiếm 41,6 % tổng số từ lấy hoàn toàn xuất hiện trong tác phẩm. Ví dụ: *quần quật, hằm hập, ngần ngặt, khinh khích, hoăn hoắt, ràn rạt, khìn khịt, đèn đẹt ...*

Ví dụ (4): *Còn lúc này, từ ngày có chồng, chưa bao giờ nàng thấy ngực mình trắng lôm lóp đến thế giữa bốn bề trống tuênh, trên sườn đồi ngấm ngập ánh trăng thế này* [7, tr.446].

Trong câu văn, hai từ lấy *lôm lóp* và *ngấm ngập* được tác giả sử dụng rất đặc địa, giàu sức gợi. *Lôm lóp* là một từ lấy gợi hình. Ở đây, có thể nói, Ma Văn Kháng đã rất bạo

tay khi miêu tả, phô bày khuôn ngực người đàn bà vắng chồng trong đêm khuya thanh vắng một cách phồn thực. Cùng đi liền với nó, tác giả lại dùng một từ láy miêu tả cảnh – rất chan chứa tình. Từ láy *ngằm ngập* ở đây không chỉ là nói về cái tràn trề của ánh trăng trên sườn đồi mà còn là cảm giác *ngằm ngập* đang dâng lên trong lòng người.

Ví dụ (5): *Lương chưa hiểu đầu cuối, vừa kịp dừng lại, đã thấy vắng ra từ trong bếp cái giọng xong xóc đối đáp quen thuộc của vợ* [7, tr.150].

Xong xóc là một từ láy sáng tạo của Ma Văn Kháng. Tác giả dùng *giọng xong xóc* - cảm nhận là một giọng nghe rất chỏi – nó chì chiết, mai mỉa. Đây rõ ràng là giọng có ý gây sự, chỉ được dùng trong chuyện cãi vã, chỉ cần nghe giọng nói ta đã biết được trạng thái tâm lí. Quả thật, ở hoàn cảnh nhà Lương lúc này, đó là đương trong cuộc cãi nhau giữa mẹ và vợ Lương, khi mà cả hai người đàn bà trong nhà đang trong cơn nộ khí xung thiên, sẵn sàng lẫn xả vào nhau.

+ Láy hoàn toàn biến đổi về thanh điệu: Có 306 từ láy loại này xuất hiện trong tác phẩm của Ma Văn Kháng, chiếm 29.1% tổng số từ láy hoàn toàn. Ví dụ: *nganh ngánh, loang loáng, môn môn, còn con, lồng lộng, véo veo...*

Ví dụ (6): *Nganh ngánh lắng nghe lại thấy mưa như sợi roi trời quật đên đẹt trên mũi, nghe rõ môn một mà âm vang hoang vắng quá* [9, tr.361].

Nganh ngánh là một từ láy mới lạ, dùng để diễn tả tâm thế của chủ thể. Hai từ láy *đen đẹt* và *môn một* dùng để nhấn mạnh âm thanh. Trong câu văn này, các từ láy có tác dụng thể hiện rõ đối tượng được miêu tả. Cái cụ thể là âm thanh đang hiện hữu nhưng chính nó lại làm nổi rõ hơn cái cô đơn, hoang vắng mà Thịnh cảm nhận lúc này. Âm thanh tuy rất rõ ràng nhưng nó không át được cái hoang vắng vô định của con người giữa đất trời sông nước thênh thang tít tắp.

Ví dụ (7): *Cái mũi nhọn cùng bộ ngực trội lên khỏi khối người béo chầy, tạo nên những hình khối quyết liệt và ngồn ngộn nhục cảm* [7, tr.122].

Ngồn ngộn mang ý nghĩa chỉ sự quá nhiều đến mức dư thừa, tràn trề. Ma Văn Kháng là nhà văn đầu tiên viết được những trang truyện ngắn nói về những khoái lạc và hả hê nhất về lòng ái dục của con người.

Ví dụ (8): *Vợ Đoan từ nãy mặt vẫn nằng nặng, nghe con gái hỏi liền đập mạnh đôi đũa cả vào rìa nồi, đứng phắt dậy quàu quàu* [7, tr.134].

Trong một câu văn nhưng tác giả đã sử dụng liên tiếp hai từ láy *nằng nặng* và *quàu quàu* để miêu tả nét mặt của nhân vật Đoan. Thông qua miêu tả về ngoại tác giả đã lột tả được thái độ đang khó chịu, bực tức Đoan. Từ *nằng nặng* đến *quàu quàu* là một sự biến đổi của tâm trạng, là sự phản đối bằng thái độ ngăm ngăm đến bộc lộ ra bằng ngôn ngữ.

Láy bộ phận

Qua khảo sát truyện ngắn Ma Văn Kháng chúng tôi thu được 4024 từ láy bộ phận, chiếm 79.3% tổng số từ láy trong tác phẩm. Kiểu láy này xuất hiện với hai dạng là láy phụ âm đầu và láy vần.

- Láy phụ âm đầu: Chúng tôi thống kê được 2572 từ láy phụ âm đầu. Loại từ láy này xuất hiện đậm đặc trong các trang viết của Ma Văn Kháng. Ví dụ: *đậm đà, dư dả, véo von, ngại ngần, ngọt ngào, sẵn sóc, vẫn vợ, xa xôi, nhẹ nhàng...*

Ví dụ (9): **Réo rất** giữa thình không, tiếng đàn một mình một âm điệu vừa náo động **da diết**, vừa **lẻ loi** đơn độc, thấm nhiễm vào **mênh mông** xa vắng, lọt **thăm thẳm** vào tâm **khám bộn bề** của Biên [7, tr.346].

Chỉ trong một câu văn mà tác giả sử dụng tới 6 từ láy, trong đó có tới 5 từ láy phụ âm đầu và một từ láy toàn bộ (*thăm thẳm*). Cái âm điệu dồn dập, da diết của tiếng đàn; những tình cảm sâu nặng, trăn trở, day dứt ở sâu thẳm lòng người nghe trong đêm khuya thanh vắng đã được lọt tả một cách rõ ràng. Biện pháp đảo ngữ “**réo rất** giữa thình không, tiếng đàn...” như đẩy tiếng đàn lên cao, vang xa... Câu văn nhờ sử dụng các từ láy mà lời văn uyển chuyển, đậm chất thơ và có được những sắc thái nghĩa mới mẻ.

Ví dụ (10): **Thuốc thang** lá lầu **xằng xịt**, **sẵn sóc** **sơ sài** vậy thôi mà anh không chết [7, tr.362].

Thuốc thang, lá lầu thì *xằng xịt*, *sẵn sóc* thì *sơ sài* – các từ láy liên tiếp bổ sung nghĩa cho nhau, cho thấy dường như đây là đỉnh điểm của sự qua quýt. Hai từ láy *xằng xịt*, *sơ sài* thể hiện sự tinh tế, tài năng trong việc lựa chọn ngôn từ của Ma Văn Kháng. Hai từ láy tự nó đã triệt tiêu hoàn toàn sự quan tâm chăm sóc của người vợ lằng loàn và khẳng định sức sống mãnh liệt của người đàn ông nghèo khổ – cái bản năng mạnh mẽ được rèn rũa trong hoàn cảnh nghèo nàn, đói khát, cùng cực khôn khổ của anh Ru.

- Láy vần: Láy vần xuất hiện tương đối nhiều trong các trang truyện ngắn Ma Văn Kháng. Chúng tôi thống kê được 1452 từ láy vần. Ví dụ: *lóc bóc, lờn nhờn, lòng thông, lúc nhúc, lầu tầu, lờn xờn, uyển chuyển, băng khuâng...*

Ví dụ (11): *Chỉ có điều Nam hơi khó chịu là Bân **ồn ào** quá, thậm chí hơi **lãng xãng** và **buông tuồng*** [7, tr.170].

Đây là một lời nhận xét của Nam về Bân, rất sát về tính cách con người được tác giả cụ thể qua những từ láy giàu sức gợi. *Lãng xãng* và *buông tuồng* là những từ láy đặc tả hành động không chín chắn, việc gì cũng nhúng tay vào nhưng lại không làm được việc gì, và lối sống dễ dãi, buông thả đến bừa bãi, quá trớn. Một con người mà sở hữu đủ những đặc tính như vậy thì rõ ràng không thể là một con người nghiêm túc, đứng đắn.

Ví dụ (12): “Lại vẫn là những dòng chữ gần đây bỗng **lưu riu** nét nọ lẫn nét kia, viết trên mảnh giấy rìa **lòm xòm** vết xé từ vở học trò” [9, tr.427].

Ta có thể nhận thấy với những dòng chữ *lưu riu*, *lòm xòm* thì rõ ràng bức thư được viết không chín chu, sạch đẹp. Nó không thể là bức thư của một trí thức quanh năm ngồi bàn giấy, mà đó là bức thư như chính người nhận thư đã hình dung đó là: ông bạn Phúng đi làm ruộng về khoát tay bảo thẳng con xé cho tờ giấy để viết thư. Tuy bức thư hình thức qua loa nhưng không hề qua loa về tình cảm. Nó thể hiện cách sống mộc mạc, chân tình, bình dị của những người nông dân chân chất, thật thà không quen với những khách sáo, màu mè. Câu văn bỗng chốc sinh động hơn, thâm tình hơn, cuốn hút hơn trong trí tưởng tượng của người đọc.

Như vậy, xét về cấu tạo, có thể thấy các từ láy trong truyện ngắn Ma Văn Kháng xuất hiện đa dạng. Đặc biệt, bên cạnh việc sử dụng rất nhiều từ láy quen thuộc đem lại hiệu quả lớn về nghệ thuật miêu tả và biểu hiện, Ma Văn Kháng còn sáng tạo thêm những từ láy mới lạ như: *nganh ngánh*, *xong xóc*, *vẽo veo*, *ngầm ngập*, *hoăn hoắt*, *đền đệt*... Chúng vừa giúp các câu văn giàu sức gợi vừa tạo nên sự mới mẻ cho ngôn từ tiếng Việt, đồng thời cũng cho ta thấy tư duy và ý thức sáng tạo của Ma Văn Kháng trong việc đổi mới ngôn ngữ văn học.

2.2.2.2. Từ láy trong truyện ngắn Ma Văn Kháng xét về ý nghĩa

Từ láy biểu trưng hoá ngữ âm giản đơn: Đó là những từ trực tiếp mô phỏng âm thanh tự nhiên.

Khảo sát trong truyện ngắn Ma Văn Kháng chúng tôi thu được 992 lượt tác giả dùng từ láy biểu trưng hoá ngữ âm giản đơn. Đây là con số nhỏ, là lớp từ chiếm tỉ lệ ít nhất trong truyện ngắn Ma Văn Kháng. Ví dụ: *khắc khặc*, *hí hí*, *ào ào*, *hề hề*...

Xét về ý nghĩa, chúng tôi nhận thấy: nhà văn chủ yếu sử dụng từ láy để mô tả âm thanh của tiếng cười. Đây là một điều đặc biệt trong truyện ngắn Ma Văn Kháng. Theo thống kê, có tới 34 âm thanh khác nhau của tiếng cười với nhiều cung bậc khác nhau, xuất hiện dày đặc trong các tác phẩm của ông, như: *hơ hớ*, *hí hí*, *khề khề*, *hằng hặc*, *khành khạch*... Điều đó chứng tỏ vốn từ láy phong phú và khả năng quan sát và miêu tả vô cùng tinh tế của nhà văn Ma Văn Kháng.

Ví dụ (13): *Người đàn bà giãy đạp, la hét, Khun thọc những ngón tay cứng như sắt vào miệng nạn nhân, cười **khắc khặc*** [7, tr.34].

Khắc khặc diễn tả tiếng cười trầm đục, đứt quãng. Trong hoàn cảnh này, tiếng cười *khắc khặc* thể hiện một sự man rợ, vô nhân tính của nhân vật Khun – dường như không còn là tiếng cười của con người mà là tiếng gầm thỏả mãn của một con dã thú khi không chế được con mồi.

Ví dụ (14): *Trong bếp có tiếng cười rúc rích của hai đứa con* [7, tr.105].

Rúc rích là tiếng cười khe khẽ, vui mừng thú vị, cảm giác như vừa khám phá được bí mật thú vị nào đó. Tiếng cười *rúc rích* thích hợp dùng cho đối tượng là trẻ con, nó thể hiện sự ngây thơ, hồn nhiên rất đáng yêu.

Ngoài ra, tác giả còn dùng lớp từ láy này để biểu hiện những sắc thái ý nghĩa khác như: mô tả âm thanh tiếng mưa (*lộp bộp, lác đác, sục sùi ...*), tiếng gió (*ào ào, hiu hiu, xào xạc...*), tiếng nước (*ào ào, róc rách,...*)...

Từ láy biểu trưng hoá ngữ âm cách điệu: Đây là những từ mà nghĩa của yếu tố gốc thường đã mờ nghĩa, nghĩa của từ không chỉ thể hiện đặc điểm tính chất sự vật mà còn thể hiện trạng thái tâm lí con người.

Trong truyện ngắn Ma Văn Kháng, từ láy biểu trưng hoá ngữ âm cách điệu được sử dụng 1139 lượt. Ví dụ: *long lanh, tròn trịa, sờn sờ, mỡ màng, mê man...*

Ví dụ (15): *Anh cao lòng không, đen quắt, mặt gồ ghề, mắt lỗ đảo, ria điểm bạc tua tua như lông nhím* [7, tr.217].

Với những nét miêu tả giàu sức gợi, chân dung anh thợ chữa khoá hiện lên thật đặc biệt. Cái dáng cao *lòng không* là cao hơi gù, gầy gò, yếu ớt. Trên cái gương mặt đen quắt, gồ ghề ấy lại là chòm râu không đều, mọc *tua tua*, lộn xộn chĩa ra nhiều phía gây cảm giác ghê sợ. Về ngoài ấy đã ngầm thể hiện chân dung của một người khắc khổ, đáng thương. Đó không chỉ là bóng dáng riêng của anh thợ chữa khoá mà nó còn là bóng dáng chung của những người lao động nghèo khổ trong dòng đời vô định mà số phận của họ quá đổi mong manh.

Ví dụ (16): *Đang trong lúc chuyển giao thời gian giữa mặt trời hồng chầm hết chu kì chiếu sáng và mặt trăng vánh vánh tươi vàng, lặng lẽ nhô lên sau dãy đồi trập trùng, thoai thoải miền bán sơn địa* [7, tr.174].

Chỉ với một câu văn, bức tranh trong khoảng giao thời hiện lên bằng những đường nét ngôn từ khiến ta cảm nhận được nó không kém gì đang chiêm ngưỡng một bức tranh cụ thể bằng đường nét và màu sắc của hội hoạ, thậm chí còn gợi được những xúc cảm sâu xa hơn nhờ sự không giới hạn của ngôn từ miêu tả.

Từ láy vừa biểu trưng hoá ngữ âm vừa chuyên biệt hoá về nghĩa: Đây là những từ láy mà nghĩa của nó có thể giải thích được qua nghĩa của yếu tố gốc và cấu tạo của khuôn vần (quen gọi là từ láy biểu thái).

Khảo sát trong truyện ngắn Ma Văn Kháng chúng tôi nhận thấy đây là lớp từ xuất hiện nhiều nhất trong các tác phẩm, với 2941 lượt dùng. Ví dụ: *lành lạnh, nâng niu, biệt biệt, dễ dàng, lóng ngóng...*

Ví dụ (17): *Rạo rức, bồn chồn, náo nức suốt một đêm dài y không chớp mắt* [7, tr.457].

Những cảm xúc phức hợp trong lòng Phùng được tác giả tinh tế thể hiện qua các từ láy: *rạo rức, bồn chồn, náo nức*. Y đang hồi hộp, náo nức, sung sướng vì sắp được thăng chức lên làm phó giám đốc Đài – cái vị trí mà y đã dùng tất cả sức lực còm cõi để mưu toan, tính toán cho công cuộc tiến thân – không màng đến gia đình, đến cả người vợ trẻ xa chồng lâu ngày.

Ví dụ (18): *Ở đó có hy sinh, mắt mắt đón đau thê thảm* [7, tr.325].

Trong một câu văn ngắn nhưng tác giả dùng tới ba từ láy liên tiếp với mức độ tăng dần nhằm nhấn mạnh cái khốc liệt của cuộc chiến tranh chống Mỹ. Những từ láy giàu sức gợi cảm khiến cho câu văn tăng giá trị biểu đạt, chạm được đến cái đáy sâu nhất mà ngôn từ có thể lột tả.

2.2.2.3. Từ láy trong truyện ngắn Ma Văn Kháng xét về khả năng kết hợp

a. Từ láy kết hợp với danh từ

Xem xét trong truyện ngắn Ma Văn Kháng, chúng tôi nhận thấy phần lớn từ láy được dùng kết hợp với danh từ. Khi kết hợp với danh từ, các từ láy có tác dụng bổ sung ý nghĩa, làm rõ và làm tăng khả năng biểu đạt cho các danh từ. Có 2 dạng kết hợp:

* Từ láy đứng sau danh từ: Đây là dạng kết hợp phổ biến và được dùng nhiều trong truyện ngắn của Ma Văn Kháng.

Ví dụ (19): *Ôi, cái thói đời **điên đảo, lọc lừa*** [7, tr.83].

Cái bản chất quen thuộc của cuộc đời được khẳng định một cách tuyệt đối qua sự kết hợp giữa danh từ *cái thói đời* với những từ láy *điên đảo, lọc lừa*. Ma Văn Kháng không dùng từ “cuộc đời” mà dùng “thói đời”. *Thói* là cái quen thuộc, thường xuyên, nó ăn sâu vào bản chất và trở thành một phần không thể tách rời, nó thường mang hàm ý chê. Vì vậy hai từ láy *điên đảo, lọc lừa* làm định ngữ cho danh từ *cái thói đời* là một sự chọn lựa phù hợp, chúng bổ sung ý nghĩa cho nhau làm cho vấn đề được diễn tả một cách rõ ràng nhất.

Ví dụ (20): *Oái oăm quá, cô **Nhàn trắng trẻo** xinh tươi bao nhiêu thì cô **Bìu đen đui, xấu xí** bấy nhiêu* [7, tr.92].

Tác giả miêu tả cái hình dáng trong thế đối chọi của hai chị em. *Cô **Nhàn trắng trẻo***, *cô **Bìu đen đui, xấu xí***. Từ những nét phác họa về ngoại hình ấy đã ngầm hé mở một phần về số phận của hai chị em. Nhưng chính cái khác biệt về số phận ấy đã làm nổi rõ hơn cái bất nhân, cạnh tranh, cạnh nghĩa của bà chị Nhàn với cô em gái thiệt thòi, khốn khổ. Ngôn ngữ có khả năng thô bạo đến thế là cùng! Cho nên có thể thấy truyện ngắn *Trung du chiều mưa buồn* thực sự là một bức tranh buồn về tình người ở ngay cái quan hệ gần gũi nhất là quan hệ máu mủ ruột rà trong cuộc đời bon chen vật chất.

* Từ láy đứng trước danh từ: Kiểu kết hợp này tuy tác giả sử dụng không nhiều nhưng mang lại hiệu quả nghệ thuật rất lớn. Vì khi đảo vị trí của từ láy lên trước, các đặc điểm của đối tượng được miêu tả sẽ được nhấn mạnh, tạo sự chú ý cho người đọc ở ngay từ cái nhìn đầu tiên về nó. Ví dụ:

Ví dụ (21): *Mặt trời ra khỏi vầng mây màu xà cừ, **tung toé tia sáng*** [7, tr.200].

Từ láy *tung toé* đứng trước danh từ *tia sáng* là một sự kết hợp rất độc đáo, khiến cho người đọc liên tưởng ra một khung hình ảnh thiên nhiên kì ảo như đang hiện ra trước mắt. Sau sự kìm giữ, che khuất của những đám mây, giờ đây mặt trời cũng bung toả mình với một lực không gì ngăn nổi.

b. Từ láy kết hợp với động từ

Các từ láy khi kết hợp với động từ và cụm động từ sẽ bổ sung nghĩa cho động từ, nhấn mạnh hơn những sắc thái ý nghĩa, tạo âm hưởng mạnh mẽ hơn cho những hoạt động đang miêu tả, đồng thời qua đó thể hiện ý đồ nghệ thuật của nhà văn.

Nếu so sánh với danh từ thì những kết hợp loại này tuy số lượng ít hơn nhưng cũng mang đến những dấu ấn rất riêng của Ma Văn Kháng. Ví dụ:

Ví dụ (22): *Ôm **nằm liệt bết** mới thấy mình già rồi* [7, tr.137].

Từ láy *liệt bết* vốn là từ hay được dùng để chỉ đặc điểm vận động của chân khi đi không nhấc nổi khỏi mặt đất. Ở đây, tác giả lại kết hợp với động từ *nằm*. Nó đã gợi nên hình ảnh một người ốm đuối sức đến mức không nhấc nổi mình ra khỏi giường, dường như không có sức làm được việc gì. *Nằm liệt bết*- ngôn từ miêu tả đặc địa đã làm nổi bật lên sự bi đát, sự bất lực bà Thảo - đúng kiểu mệt mỏi của người già khi ốm.

Ví dụ (23): *Gã cười khinh khịch và **hau háu nhìn** bầu ngực nở bồng bênh của nàng* [7, tr.287].

Câu văn độc đáo trong cách kết hợp từ ở từng vị trí thể hiện bậc tài sử dụng ngôn từ miêu tả của Ma Văn Kháng. Trong một câu, tác giả dùng ba động từ (*cười, nhìn, nở*) đi liền với nó là ba từ láy (*khinh khịch, hau háu, bồng bênh*), nhưng cách sắp xếp vị trí kết hợp của mỗi từ mới tạo nên cái hay, cái độc đáo. Đọc cả câu văn, người đọc như thấy hiện ra trước mắt một nhà văn tinh tế thâm ô, đều cáng, cái tài không có mà cái thâm thì nhiều. Với tiếng *cười khinh khịch* đều cáng, con mắt *hau háu* nhìn không chớp về thềm muốn bộc lộ rõ nhất sự thâm ô của gã. Một người đàn ông đàn hoàng, tế nhị, từ tế không bao giờ nở một nụ cười đều cáng và *hau háu nhìn* như thế vào khuôn ngực của người đàn bà mà anh ta thích. Từ láy *hau háu* được đảo vị trí đưa lên đầu câu càng nhấn mạnh cả hành động và cái bản chất tởm lợm của gã. Rõ ràng sự tán tỉnh của y chỉ có một mục đích duy nhất là để thỏa mãn dục tình. Vậy nên, “*đáp lại thói sàm sỡ, đều cáng của gã*” [7, tr. 287], cái tát của Nhiên dành cho gã là một hành động tất yếu.

Ví dụ (24): *Lát sau ông ấn gọng kính vào sát mắt, mở tráp lòi cuốn hoá đơn, loạt xoạt giở, chăm chú nhìn, lẩm nhẩm đọc rồi thở một hơi dài kín đáo* [7, tr.77].

Ở đây có một cách kết hợp ngược tuy không lạ nhưng mang đến một hiệu quả nghệ thuật độc đáo. Tác giả đang miêu tả rất kĩ, liên tiếp chuỗi hành động của ông lão Chư và có quá trình. *Loạt xoạt giở, chăm chú nhìn và lẩm nhẩm đọc*. Hành động đó diễn ra rất trình tự đầu cuối: từ giở đến nhìn và cuối cùng là đọc và biểu hiện của những từ lấy đi kèm các động từ cho thấy một sự tỉ mỉ, chi tiết trong từng hành động của người thợ bạc già.

c. Từ lấy kết hợp với tính từ

Kết hợp từ lấy với tính từ là kiểu kết hợp thể hiện rõ nhất sự sáng tạo của tác giả về phương diện từ ngữ nói chung và trong từ lấy nói riêng. Xét trong các truyện ngắn của Ma Văn Kháng, tuy kiểu kết hợp này không nhiều nhưng nó thực sự là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo mà không phải nhà văn nào cũng tạo ra được. Bên cạnh cách kết hợp xuôi chiều và ngược chiều quen thuộc như ở hai kết hợp trên, trong cách kết hợp giữa từ lấy với tính từ còn có một số kết hợp mới lạ, rất độc đáo của Ma Văn Kháng.

Ví dụ (25): *Mặt sông vẫn trắng lặng chơi chơi, nhưng nhìn về phía núi mờ xa, có một đoạn sông lấp lánh như khám xà cừ, ở đó có một chiếc thuyền đình đang lừng lững đi* [7, tr.103].

Tính từ *trắng lặng* là từ biểu thị màu sắc và trạng thái được kết hợp với từ lấy *chơi chơi* chỉ mức độ chiếu sáng, làm loá mắt. Đây là những từ được dùng rất lạ, *trắng lặng* nghe như một từ mới, là từ ít được dùng nhưng khi tác giả dùng với *chơi chơi* lại rất phù hợp. Sự kết hợp giữa các ngôn từ mới mẻ: một từ tả màu sắc một từ tả mức độ sáng của màu sắc – đã làm nổi bật cái sắc trắng, làm loá mắt của mặt sông. Nó cho thấy khả năng lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ tài tình của Ma Văn Kháng.

Ví dụ (26): *Vú nó to chôm chôm* [7, tr.123].

Chôm chôm là một từ lấy mới, *to chôm chôm* là một kiểu kết hợp lạ, sáng tạo. Câu văn ngắn miêu tả hình dáng khuôn ngực người đàn bà với trạng thái động tạo nên sắc thái ý nghĩa rất đặc địa. Nó không chỉ gợi được hình dáng quá khổ, nhô ra phía trước mà còn gợi được cả cái chuyển động của nó cùng với chuyển động của cơ thể khiến cho nhân vật hiện lên mồn một, vừa sinh động vừa gợi ra những ý nghĩa sâu xa.

Ma Văn Kháng là nhà văn rất sáng tạo. Ông không ưa dùng những chữ mòn. Những từ quen thuộc đã được tác giả dùng rất đắt nhưng vẫn chưa đủ, nhà văn còn sáng tạo nên những từ mới lạ làm phong phú hơn cho vốn từ tiếng Việt.

3. KẾT LUẬN

Qua khảo sát và phân tích, có thể thấy, các từ láy trong truyện ngắn Ma Văn Khánh rất phong phú, đa dạng và chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa. Lớp từ láy đã được Ma Văn Khánh đã sử dụng rất hữu hiệu, vừa phù hợp đối tượng vừa phù hợp với ý tưởng, cá tính sáng tạo, vừa phù hợp với thể loại truyện ngắn. Điều quan trọng, ta thấy trong truyện ngắn của Ma Văn Khánh, ngoài dùng những từ láy với những nét nghĩa cụ thể, quen thuộc còn xuất hiện rất nhiều những từ láy mới, những cách kết hợp lạ đem đến những nét nghĩa mới mẻ mang dấu ấn riêng mà không phải cây bút nào cũng thể hiện được. Có thể nói, từ láy trong truyện Ma Văn Khánh phần nào thể hiện tư duy nhạy bén; sự sáng tạo rất nghiêm túc nhưng rất linh hoạt của nhà văn đồng thời nó cũng thể hiện sự tài hoa của nhà văn về mặt sử dụng ngôn ngữ, góp phần quan trọng trong công cuộc đổi mới văn học hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2007), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb ĐH Quốc gia, Hà Nội.
2. Đinh Văn Đức (2011), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Hoàng Văn Hành (1985), *Từ láy tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Huệ (2007), *Những dấu hiệu đổi mới trong văn xuôi Việt Nam từ 1980 đến 1986 (Qua bốn tác giả Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Ma Văn Khánh, Nguyễn Mạnh Tuấn)*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Văn học, Hà Nội.
5. Dương Thị Thanh Hương (2015), *Phong cách nghệ thuật Ma Văn Khánh*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Dương Thị Thanh Hương (2015), *Phong cách nghệ thuật Ma Văn Khánh*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. *Ma Văn Khánh, 100 truyện ngắn*, Tập 1 (2017), Nxb. Hội Nhà văn.
8. *Ma Văn Khánh, 100 truyện ngắn*, Tập 2 (2017), Nxb. Hội Nhà văn.
9. *Ma Văn Khánh, 100 truyện ngắn*, Tập 3 (2017), Nxb. Hội Nhà văn.
10. Phan Thị Nga (2006), *Đặc điểm ngôn ngữ truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tấn – Nguyễn Thi*, Khoá luận tốt nghiệp, ĐhV.

CHARACTERISTICS OF USING THE DUPLICATED WORDS IN SHORT STORIES OF WRITTEN MA VAN KHANG

Bui Kim Thoan

Abstract: *The article focuses on analyzing the characteristics of duplicated words in the short stories of writer Ma Van Khang. These are the characteristics of structure, the ability to combine, thereby indicating the meaning of the words in expressing the content of the short story Ma Van Khang. Through a survey of 40 short stories by Ma Van Khang, it can be seen that the words used in Ma Van Khang's short stories are very rich, diverse and flexible. In addition to the familiar ligatures, the writer also created many new ligatures, showing his unique linguistic talent. It is the words that have contributed to making the world of images in the short story Ma Van Khang more unique and vivid. The article uses methods and methods such as analytical methods, interdisciplinary methods, comparative methods, statistical methods of classification.*

Keywords: *short story, Ma Van Khang, duplicated words, expressive value*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-9-2022; ngày phản biện đánh giá: 13-9-2022; ngày chấp nhận đăng: 23-9-2022)

XU HƯỚNG ĐƠN GIẢN HÓA VỀ ĐỒ LỄ CỦA NGƯỜI ĐI CHÙA TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Nguyễn Thị Nhung¹

Tóm tắt: Lễ chùa là nét văn hóa không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam hàng nghìn năm nay. Lễ chùa nhằm thỏa mãn những nhu cầu về đời sống văn hóa tinh thần của Phật tử và đông đảo người dân Việt Nam. Ở bài viết này, chúng tôi vận dụng lí thuyết biến đổi văn hóa, lí thuyết chức năng và triển khai khảo sát tại ba địa điểm: Chùa Phúc Khánh, chùa Hà và chùa Thầy vào tháng Hai, tháng Ba năm 2022. Thông qua đó, bài viết khẳng định những biến đổi về đồ lễ của người đi lễ chùa trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đồng thời chỉ ra nguyên nhân dẫn đến những thay đổi này.

Từ khóa: đơn giản hóa, đồ lễ, lễ chùa, đại dịch, Covid-19

1. MỞ ĐẦU

Người dân đi lễ chùa trong dịp đầu xuân, ngày mừng Một, ngày Rằm nhằm thỏa mãn những nhu cầu về đời sống văn hóa tâm linh; đó có thể là nguyện cầu những điều may mắn, bình an, sức khỏe... đến với bản thân và gia đình hoặc cũng có thể là đến với cửa Phật, cửa Thánh để tìm một chốn bình yên, thanh tịnh cho tâm hồn sau những mưu sinh nhọc nhằn của cơm áo gạo tiền... Trải qua hàng nghìn năm, cùng với sự tồn tại và phát triển của Phật giáo, hoạt động này đã trở thành nét văn hóa không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. Từ năm 2019 trở lại đây, đại dịch Covid-19 tác động đến hầu hết các lĩnh vực trong đó có đời sống tôn giáo tín ngưỡng. Hoạt động lễ chùa cũng không ngoại lệ, cụ thể là những thay đổi về đồ lễ.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu về hoạt động lễ chùa với cái nhìn đa chiều, bài viết sử dụng cách tiếp cận liên ngành, trong đó trọng tâm là tiếp cận văn hóa học tôn giáo. Lí thuyết biến đổi văn hóa là cơ sở để thực hiện bài viết. Đồng thời, để triển khai nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phương pháp phỏng vấn và thủ pháp miêu tả, phân tích, tổng hợp để đánh giá và đưa ra những nhận xét về biến đổi trong sắm lễ của người dân trong mùa dịch.

Hà Nội là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của Việt Nam; là nơi có mật độ dân số đông cùng hệ thống cơ sở tôn giáo tín ngưỡng nhiều nhất cả nước. Thủ đô Hà Nội cũng là “đầu tàu” thực thi và áp dụng chủ trương, đường lối chính sách. Đây là địa bàn thuận lợi để khảo sát thực trạng và nhận diện những xu hướng biến đổi trong thực hành sinh

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Email: nguyenthinhung89@hpu2.edu.vn